

## HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ  
VƯƠNG QUỐC NA-UY VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC  
TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

**Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Na-uy,**

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

### ĐIỀU 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

### ĐIỀU 2. CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp chi trả cũng như các loại thuế đánh trên phần trị giá tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt Nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân; (ii) thuế lợi tức; và (iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây gọi là "thuế Việt Nam");

b. tại Na-uy:

(i) thuế quốc gia đánh vào thu nhập; (ii) thuế địa hạt đánh vào thu nhập; (iii) thuế huyện thị đánh vào thu nhập; (iv) các khoản đóng góp quốc gia vào Quỹ cân đối thuế; (v) thuế quốc gia liên quan tới thu nhập từ việc thăm dò và khai thác các nguồn dầu mỏ dưới biển và các hoạt động và công việc có liên quan kể cả việc vận chuyển bằng đường ống dầu đã được sản xuất; và (vi) các khoản thu quốc gia đối với tiền công trả cho các nghệ sỹ không phải là đối tượng cư trú;

(dưới đây được gọi là "thuế Na-uy").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

### **ĐIỀU 3. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ "Na-uy" có nghĩa là Vương quốc Na-uy bao gồm bất kể vùng nào nằm ngoài lãnh hải của Vương quốc Na-uy mà ở đó theo luật pháp Na-uy và phù hợp với luật pháp quốc tế, Na-uy có thể thực hiện các quyền của mình đối với đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và các tài nguyên thiên nhiên tại đó; từ này không bao gồm vùng Svalbard, Jan Mayen và các vùng phụ thuộc Na-uy (Biland);

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Na-uy tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) tất cả các cá nhân mang quốc tịch của một Nước ký kết; (ii) tất cả các pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và (ii) trong trường hợp đối với Na-uy, là Bộ trưởng Bộ Tài chính và Hải quan hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Hải quan.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

#### **ĐIỀU 4. ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký hoặc bất kỳ tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2. Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1 khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

#### **ĐIỀU 5. CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. Trụ sở điều hành;

- b. Chi nhánh;
- c. Văn phòng;
- d. Nhà máy;
- e. Xưởng; và
- f. Mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

- a. địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;
- b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện thông qua các nhân viên hay đối tượng khác được xí nghiệp giao thực hiện tại Nước ký kết kia, với điều kiện các hoạt động nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hay một dự án liên quan) trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại hơn 183 ngày trong khoản thời gian 12 tháng.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

- a. việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;
- b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;
- c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;
- d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;
- e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp;
- f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ để cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động được nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp

của Nước ký kết kia, xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a. có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

b. không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hay tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hóa hay tài sản thay mặt cho xí nghiệp.

6. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước ký kết kia hay bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7. Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ.

8. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

## **ĐIỀU 6. THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN**

1. Thu nhập mà đối tượng cư trú một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Những qui định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

## **ĐIỀU 7. LỢI TỨC DOANH NGHIỆP**

1. Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

a. cơ sở thường trú đó;

b. việc bán tại Nước kia những hàng hóa hay tài sản cùng loại hay tương tự như hàng hóa bán qua cơ sở thường trú; hay

c. các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú. Tuy nhiên, các quy định của phần (b) và (c) của khoản này sẽ không áp dụng nếu xí nghiệp chứng minh được rằng việc bán hàng hay các hoạt động kinh doanh được tiến hành thông qua cơ sở thường trú.

2. Thế theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh do cơ sở thường trú đó thực hiện bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung được phép khấu trừ mặc dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ các khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để được sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng.

4. Không có nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng luật của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng trong trường hợp thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện luật trên sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin nhà chức trách có thẩm quyền đã có cho phép, phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của xí nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

## **ĐIỀU 8. VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG**

1. Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Theo nội dung của Điều này, lợi tức thu được từ hoạt động của tàu thủy hay máy bay trong vận tải quốc tế bao gồm:

a. thu nhập từ việc cho thuê tàu thủy hay máy bay trống; và

b. lợi tức từ việc sử dụng, bảo dưỡng hay cho thuê công-ten-nơ (bao gồm cả khoang moóc và các thiết bị có liên quan để vận chuyển công-ten-nơ) được sử dụng để vận chuyển hàng hóa hay tài sản;

khi việc sử dụng, bảo dưỡng hoặc cho thuê đó, tùy theo từng trường hợp, có tính chất phụ kèm theo hoạt động của tàu thủy hay máy bay trong vận tải quốc tế.

3. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

4. Những quy định của khoản 1, 2 và 3 sẽ áp dụng cho lợi tức do tổ hợp hệ thống hàng không Scandinavia (SAS), liên doanh vận tải hàng không giữa Na-uy, Thụy Điển và Đan Mạch thu được, nhưng chỉ trên phần lợi tức của Det Norske Luftfartsselskap A/S (DNL) là bên Na-uy tham gia vào hệ thống hàng không Scandinavia (SAS) tỷ lệ với phần vốn góp của nó trong tổ chức này.

## **ĐIỀU 9. NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT**

## 1. Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng luật của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng trong trường hợp thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một xí nghiệp, với điều kiện luật trên sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin nhà chức trách có thẩm quyền đã có cho phép, phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

## **ĐIỀU 10. TIỀN LÃI CỔ PHẦN**

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

a. 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty trực tiếp nắm giữ ít nhất là 70 phần trăm số vốn cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần;

b. 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty trực tiếp nắm giữ ít nhất là 25 phần trăm nhưng ít hơn 70 phần trăm vốn cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần.

c. 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.



4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

## **ĐIỀU 11. LÃI TỪ TIỀN CHO VAY**

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2,

a. lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Na-uy sẽ chỉ bị đánh thuế tại Việt Nam nếu tiền lãi này được trả cho:

(i) Chính phủ Việt Nam cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một tổ chức hợp pháp của Việt Nam; (ii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc (iii) Bất kỳ một tổ chức nào hoàn toàn thuộc sở hữu của Chính phủ Việt Nam có thể được thỏa thuận trong từng thời kỳ giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết.

b. lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam sẽ chỉ bị đánh thuế tại Na-uy nếu tiền lãi này được trả cho:

(i) Nhà nước Na-uy, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một tổ chức hợp pháp của Na-uy; (ii) Ngân hàng Trung ương Na-uy; hoặc (iii) bất kỳ một tổ chức nào hoàn toàn thuộc sở hữu của Nhà nước Na-uy có thể được thỏa thuận trong từng thời kỳ giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết;

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5. Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó, hay (b) các hoạt động kinh doanh ghi tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 12. TIỀN BẢN QUYỀN**

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, băng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết

bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hay (b) các hoạt động kinh doanh ghi tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

### **ĐIỀU 13. LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN**

1. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng tàu thủy, máy bay hay các công-ten-nơ (bao gồm cả các khoang moóc và các thiết bị có liên quan để vận chuyển công-ten-nơ) hoạt động trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó. Tuy nhiên, những quy định của khoản này sẽ không được áp dụng nếu các công-ten-nơ hoặc các khoang moóc và thiết bị có liên quan được sử dụng chỉ để chuyên chở giữa các địa điểm trong Nước ký kết kia.

4. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của một công ty mà tài sản của công ty đó trực tiếp hoặc gián tiếp chủ yếu bao gồm bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5. Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần khác với các cổ phần đã được đề cập tới tại khoản 4 chiếm ít nhất là 10 phần trăm vốn đóng góp trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi người chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

#### **ĐIỀU 14. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP**

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau đây thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động này; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay

b. nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

#### **ĐIỀU 15. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁC NHÂN PHỤ THUỘC**

1. Thử theo các quy định tại Điều 16, 18 và 19 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại không quá 183 ngày trong khoảng thời gian 12 tháng, và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động là đối tượng cư trú tại Nước nơi người nhận tiền công là đối tượng cư trú và hoạt động của người chủ lao động này không bao gồm việc kinh doanh cho thuê lao động, và

c. số tiền công phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó. Tuy nhiên, nếu tiền công đó thu được từ lao động làm trên tàu thủy đăng ký trong bản đăng ký các tàu thủy Quốc tế của Na-uy (N.I.S), khoản tiền công này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi người nhận tiền công là đối tượng cư trú.

4. Khi một đối tượng cư trú của Na-uy thu được tiền công từ lao động làm trên máy bay do tổ hợp hệ thống Hàng không Scandinavia (SAS) điều hành trong vận tải quốc tế, khoản tiền công này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Na-uy.

## **ĐIỀU 16. THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC**

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc hay một tổ chức tương tự của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

## **ĐIỀU 17. NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN**

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hay vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hóa giữa hai Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

## **ĐIỀU 18. TIỀN LƯƠNG HỮU, TIỀN BẢO HIỂM HỮU HÀNG NĂM, CÁC KHOẢN TIỀN THANH TOÁN THEO HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TIỀN TRỢ CẤP TRÁCH NHIỆM GIA ĐÌNH**

1. Tiền lương hưu (bao gồm cả lương hưu chính phủ), tiền bảo hiểm hàng năm và các khoản tiền thanh toán theo hệ thống bảo hiểm xã hội trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Tiền trợ cấp trách nhiệm gia đình và những khoản tiền sinh hoạt khác trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó. Tuy nhiên, bất kỳ một khoản tiền trợ cấp hoặc một khoản tiền sinh hoạt nào khác do đối tượng cư trú của một trong hai Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, trong phạm vi khoản tiền này không được trừ vào thu nhập chịu thuế của người chi trả, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất.

## **ĐIỀU 19. PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ**

1. a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc Chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. Các quy định của các Điều 15 và 16 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

## **ĐIỀU 20. SINH VIÊN VÀ HỌC SINH HỌC NGHỀ**

Những khoản tiền mà một sinh viên hay học sinh học nghề nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay học sinh học nghề này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

## **ĐIỀU 21. CÁC HOẠT ĐỘNG NGOÀI KHƠI**

1. Mặc dù có các quy định của Điều 5 và Điều 14, một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và tiến hành các hoạt động ngoài khơi ở Nước ký kết kia liên quan đến việc thăm dò hoặc khai thác đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và các tài nguyên thiên nhiên của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển tại Nước ký kết kia, thì đối tượng đó, liên quan đến những hoạt động này, sẽ được coi là đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định đóng tại đó.

2. Khoản 1 Điều này sẽ không được áp dụng nếu một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết tiến hành vận chuyển các vật tư hoặc nhân sự tới một địa điểm, hoặc giữa các địa điểm nơi các hoạt động liên quan đến việc thăm dò và khai thác đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và các tài nguyên thiên nhiên ở đó đang được tiến hành tại Nước ký kết kia, hoặc vận hành các tàu kéo và các tàu thủy khác phục vụ cho những hoạt động này.

3. Mặc dù có những quy định ở Điều 13, lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng:

a. các quyền thăm dò và khai thác; hoặc

b. tài sản có tại Nước ký kết kia và được sử dụng gắn liền với việc thăm dò và khai thác đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và các tài nguyên thiên nhiên của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển tại Nước ký kết kia; hoặc

c. các cổ phần có giá trị hay có phần giá trị lớn hơn trực tiếp hay gián tiếp từ các quyền hoặc tài sản nói trên hay từ các quyền và tài sản đó gộp lại;

có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Theo nội dung khoản này "các quyền thăm dò hay khai thác" có nghĩa là các quyền đối với các tài sản có được từ việc thăm dò hay khai thác đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và các tài nguyên thiên nhiên từ đáy biển và lòng đất dưới đáy biển tại Nước ký kết kia kể cả các quyền được hưởng lợi ích hay quyền được hưởng lợi tức từ các tài sản nói trên.

## **ĐIỀU 22. THU NHẬP KHÁC**

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước ký kết kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập tới trong những Điều trên của Hiệp định này và phát sinh ở Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

## **ĐIỀU 23. CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN**

1. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Khi một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Na-uy và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế ở Na-uy, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế của Việt Nam tính trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản đó một khoản tiền tương đương số thuế đã nộp tại Na-uy. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đánh trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản đó được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt Nam.

2. Tại Na-uy, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a. Thẻ theo các quy định trong các luật của Na-uy về việc cho phép khấu trừ vào thuế Na-uy phần thuế đã nộp tại một lãnh thổ bên ngoài Na-uy (mà việc này sẽ không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung của Hiệp định này), khi một đối tượng cư trú của Na-uy có thu nhập, mà phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, Na-uy sẽ cho khấu trừ vào thuế thu trên thu nhập của đối tượng cư trú đó, một số tiền đúng bằng số thuế thu nhập nộp tại Việt Nam;

Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ mà phần thuế này được phân bổ cho thu nhập có thể bị đánh thuế tại Việt Nam;

b. Tuy nhiên, trường hợp theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, thu nhập do một đối tượng cư trú của Na-uy nhận được miễn thuế tại Na-uy, Na-uy có thể tính đến phần thu nhập được miễn thuế để xác định thuế suất áp dụng cho phần thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó;

c. Theo nội dung của điểm 2(a) của Điều này, phần thuế thu nhập do một đối tượng cư trú của Na-uy nộp tại Việt Nam đối với các khoản lợi tức doanh nghiệp thu được thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Việt Nam, sẽ được coi là gồm bất kỳ số tiền thuế nào lẽ ra phải nộp tại Việt Nam trong bất kỳ năm nào, nhưng đã không phải nộp vì được giảm thuế trong năm đó hay bất kỳ thời gian nào trong năm đó do việc áp dụng các quy định của Luật Việt Nam được xây dựng để tạo ra những ưu đãi thuế có giới hạn thời gian nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài vì mục đích phát triển. Tuy nhiên, những quy định của điểm này sẽ không áp dụng cho lợi tức thu được từ các hoạt động sản xuất hoặc tài chính và với điều kiện là không quá 25 phần trăm lợi tức của cơ sở thường trú này bao gồm các khoản lãi tiền cho vay và lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu hoặc trái phiếu, hay bao gồm lợi tức thu được từ các Nước thứ ba;

Những quy định của điểm này sẽ không áp dụng cho thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam thu trên lợi tức được chuyển ra nước ngoài của một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của Na-uy;

d. Theo nội dung của điểm 2(a) Điều này, thuế Việt Nam nộp theo khoản 2 Điều 10, bất kể số thuế thực nộp là bao nhiêu, sẽ được coi là 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần thu được từ các nguồn tại Việt Nam, trường hợp khoản thuế đó hoặc bất kỳ phần nào của khoản thuế đó được giảm do áp dụng các quy định của Luật Việt Nam được đưa ra nhằm đẩy mạnh sự phát triển. Tuy nhiên, những quy định của điều này, sẽ không áp dụng cho các khoản lãi cổ phần được trả từ lợi tức thu được từ các hoạt động sản xuất và tài chính với điều kiện là không quá 25 phần trăm lợi



tức dùng để trả lãi cổ phần bao gồm các khoản lãi tiền cho vay và lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc lợi tức thu được từ các Nước thứ ba;

e. Theo nội dung của điểm 2(a) Điều này, thuế Việt Nam nộp theo khoản 2 Điều 11, bất kể số thuế thực nộp là bao nhiêu, sẽ được coi là 10 phần trăm tổng số lãi tiền cho vay thu được từ các nguồn tại Việt Nam, nếu như khoản thuế đó hoặc bất kỳ phần nào của khoản thuế đó được giảm do áp dụng các quy định của Luật Việt Nam được xây dựng nhằm đẩy mạnh sự phát triển, và với điều kiện khoản trả cho vay có số tiền lãi được trả được Chính phủ Việt Nam chấp thuận và số tiền lãi đó trả cho một tổ chức tài chính của Na-uy;

f. Theo nội dung của điểm 2(a) Điều này, thuế Việt Nam nộp theo khoản 2 Điều 12, bất kể số thuế thực nộp là bao nhiêu, sẽ được coi là 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền thu được từ các nguồn tại Việt Nam nếu như khoản thuế đó hoặc bất kỳ phần nào của khoản thuế đó được giảm do áp dụng các quy định của Luật Việt Nam được xây dựng nhằm đẩy mạnh sự phát triển;

g. Các quy định của các điểm 2(c), 2(d), 2(e) và 2(f) Điều này sẽ được áp dụng trong 10 năm hiệu lực đầu tiên của Hiệp định này. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ tham khảo ý kiến của nhau để xác định việc gia hạn thời hạn này.

## **ĐIỀU 24. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ**

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được hiểu là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào về thân phận dân sự và trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết thứ nhất dành cho những đối tượng cư trú của mình.

3. Trừ khi những quy định của khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11 hay khoản 6 Điều 12 được áp dụng, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản tiền chi trả khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ được tính vào chi phí được trừ để xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó, trong những điều kiện tương tự như là số tiền này trả cho một đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4. Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát, trực tiếp hay gián tiếp, bởi một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ không phải chịu ở Nước thứ nhất bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự của Nước thứ nhất.

5. Những quy định của khoản 2 và 4 Điều này, sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam, mà thuế này trong bất kỳ trường hợp nào sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi tức chuyển ra nước ngoài, và thuế Việt Nam đối với các hoạt động thăm dò và sản xuất dầu mỏ hoặc đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

6. Không có quy định nào tại Điều này sẽ được hiểu là buộc một trong hai Nước ký kết phải dành cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào mà nó dành cho những cá nhân là đối tượng cư trú được hưởng.

7. Những quy định tại Điều này sẽ chỉ được áp dụng cho các loại thuế bao gồm trong Hiệp định.

8. Mặc dù có những quy định tại Điều này, trong thời gian Việt Nam vẫn tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, mà những giấy phép này quy định các hình thức thuế nhà đầu tư phải chịu, thì việc đánh thuế này sẽ không bị coi là vi phạm quy định của các khoản 2 và 4 Điều này.

## **ĐIỀU 25. THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG**

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng là đối tượng cư trú mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đã đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào bất kỳ giới hạn thời gian nào trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng cùng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền thông qua trao đổi sẽ xây dựng các thủ tục, điều kiện, biện pháp và kỹ thuật thích ứng song phương để thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương quy định tại Điều này. Thêm vào đó, từng nhà chức trách có thẩm quyền có thể đưa ra những thủ tục, điều kiện, biện

pháp và kỹ thuật thích ứng đơn phương nhằm tạo điều kiện cho việc giải quyết song phương nói trên và tạo điều kiện thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương.

## **ĐIỀU 26. TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước đó. Tuy nhiên, nếu thông tin đó ban đầu được coi là bí mật tại Nước gửi thông tin thì thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hay truy tố, hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án. Các nhà chức trách có thẩm quyền thông qua việc trao đổi sẽ xây dựng những điều kiện, biện pháp và kỹ thuật thích hợp liên quan đến các vấn đề mà việc trao đổi thông tin được thực hiện kể cả, khi cần thiết, trao đổi thông tin liên quan đến việc trốn thuế.

2. Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước (trật tự công cộng).

## **ĐIỀU 27. CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ**

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

## **ĐIỀU 28. HIỆU LỰC**

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày trao đổi các công hàm ngoại giao thông báo về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước cần thiết tại từng Nước để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định sẽ có hiệu lực thi hành:

(a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả từ ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực; (ii) đối với các loại thuế khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực.

## **ĐIỀU 29. KẾT THÚC**

Hiệp định này sẽ có hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Mỗi Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia bằng văn bản thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực thi hành:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả từ ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc Hiệp định; (ii) đối với các loại thuế khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch gửi thông báo kết thúc Hiệp định, và trong những năm dương lịch tiếp theo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm tại Oslo ngày 1 tháng 6 năm một nghìn chín trăm chín mươi lăm thành hai bản gồm các thứ tiếng: Việt, Na-uy và tiếng Anh cả ba văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ  
NGHĨA VIỆT NAM**

(Đã ký)

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
VƯƠNG QUỐC  
NA UY**

(Đã ký)

Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 4 năm 1996.